

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 500/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1994; CCCD số: 070194004120; Địa chỉ: thôn L, xã P, thành phố H;

Bị đơn: Anh **Đình Như T**, sinh năm 1994; CCCD số: 046094015602; Địa chỉ: thôn D, xã P, thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đình Như T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đình Như T xác nhận vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Đình Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 20/12/2022. Hiện nay, cháu L đang ở với chị H.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đình Như T thoả thuận: Giao con chung là cháu Đình Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 20/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lâm thành

N (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Như T cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Như T cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đinh Như T mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H tự nguyện nộp thay án phí cho anh T. Như vậy chị H phải nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002202 ngày 26/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. H1 lại cho chị H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 1 - Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - UBND xã Phú Hồ, thành phố Huế
- (ĐKKH số 40 ngày 06/10/2022 tại UBND Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến